

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 288/2026/HC-PT
Ngày 30 tháng 3 năm 2026
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định
cư khi Nhà nước thu hồi đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ
Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình N - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án
hành chính thụ lý số 449/2025/TLPT-HC ngày 17 tháng 12 năm 2025 về:
“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định
cư khi Nhà nước thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 600/2025/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm
2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 538/2026/QĐXX-PT
ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Cao Thị Xuân T, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Số
E N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Trúc P, sinh năm 1968 và ông Võ
Hoàng Ý, sinh năm 1983; cùng địa chỉ cư trú: Số E đường số E, phường L,
Thành phố Hồ Chí Minh; bà P vắng mặt, ông Ý có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số G N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Linh N1, chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; địa chỉ: Số H L, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

2.1. Bà Phạm Thị Minh L, chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tiếp dân - Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng thành phố T; có mặt

2.2. Bà Dương Thị Ngọc H, chức vụ: Phó trưởng Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng thành phố T; vắng mặt

- *Người kháng cáo:* Bà Cao Thị Xuân T là Người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Người khởi kiện là bà Cao Thị Xuân T trình bày:*

Bà Cao Thị Xuân T là chủ sở hữu căn nhà có diện tích 90,7m², tọa lạc tại số E đường N, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 192/2009 GCN-UB ngày 24/02/2009.

Ngày 14/11/2022, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 9295/QĐ-UBND thu hồi đất của bà T để thực hiện dự án Xây dựng nâng cấp, mở rộng đường N (đoạn từ cầu G Ông T1 đến cầu M) với diện tích đất thực tế thu hồi là 31,40m². Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 9738/QĐ-UBND phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà T, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 391.107.654 đồng; trong đó có 30,1m² bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp là 8.446.000 đồng/m²; 1,3m² bồi thường theo đơn giá đất ở 81.095.000 đồng/m². Không đồng ý với quyết định trên, bà T khiếu nại. Tại Quyết định số 4938/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H giải quyết bác khiếu nại của bà T.

Vì vậy, bà Cao Thị Xuân T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 9738/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T; Quyết

định giải quyết khiếu nại số 4938/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; Quyết định giải quyết khiếu nại số 751/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 12322/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường cho bà T phần diện tích giải tỏa 30,1m² với đơn giá đất ở.

- Người bị kiện trình bày:

Diện tích 31,4m² đất của bà Cao Thị Xuân T bị thu hồi gồm: 1,3m², loại đất ở, thuộc thửa 549⁻¹, tờ bản đồ số 6, được công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 192/2009/GCN-UB ngày 24/02/2009 và 30,1m² thuộc lộ giới không được công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất nêu trên. Toàn bộ diện tích đất bà T sử dụng có nguồn gốc do cụ Nguyễn Thị T2 tặng cho cụ Cao Q Khoáng theo Giấy phép mua bán, chuyển dịch nhà cửa số 647/GP-UB được Ủy ban nhân dân huyện T cũ xác nhận ngày 04/7/1986, được cụ Cao Quý K và cụ Lê Thị N2 sử dụng để ở. Năm 1999, cụ K kê khai đăng ký nhà đất với diện tích khuôn viên 505,0m². Ngày 16/9/2002, cụ K và cụ N2 được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Đến năm 2008, cụ K tách sổ cho 05 người con (trong đó có bà T) sau thời điểm quy hoạch lộ giới đường Nguyễn Thị Định năm 1995. Ngày 24/02/2009, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 810/2002 cấp cho cụ K và cụ N2 ngày 16/9/2002 thể hiện diện tích đất ở 275,4m² là lớn hơn hạn mức đất ở/hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố H; phần diện tích đất còn lại, trong đó diện tích 30,1m² đất của bà T, thuộc lộ giới, không được công nhận quyền sử dụng đất và được xác định là đất nông nghiệp. Do đó, theo Quyết định số 9738/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T xác định bà T được bồi thường đối với phần diện tích 30,1m² theo đơn giá đất nông nghiệp là 8.446.000 đồng/m² và 1,3m² bồi thường theo đơn giá đất ở 81.095.000 đồng/m² là đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 600/2025/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định (tóm tắt):

Bác toàn bộ yêu cầu của bà Cao Thị Xuân T đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 7938/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T; Quyết định giải quyết khiếu nại số 4938/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; Quyết định giải quyết khiếu nại số 751/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 12322/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường cho bà T phần diện tích giải tỏa 30,1m² với đơn giá đất ở.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, bà Cao Thị Xuân T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Cao Thị Xuân T do ông Võ Hoàng Ý đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và hủy các quyết định hành chính nêu trên.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Xuân T trình bày ý kiến:

Toàn bộ nhà đất gia đình bà T đang sử dụng có nguồn gốc do cụ Cao Quý K và cụ Lê Thị N2 đăng ký, kê khai và sử dụng ổn định, không tranh chấp từ năm 1986, có đóng thuế sử dụng đất hằng năm. Năm 1999, cụ K đăng ký kê khai tổng khuôn viên đất có diện tích 505m². Tại Giấy xác nhận nguồn gốc pháp lý nhà đất số 95/GXN-UBND ngày 07/10/2022 của Ủy ban nhân dân phường T xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng và tình trạng pháp lý đất rõ ràng. Phần diện tích 30,1m² thuộc lộ giới nhưng có nhà ở và đã được gia đình bà T sử dụng ổn định, liên tục nhưng Ủy ban nhân dân thành phố T lại bồi thường cho bà T theo đơn giá đất nông nghiệp là không phù hợp. Trường hợp này, bà T phải được bồi thường theo đơn giá đất ở mới đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bà T, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, hủy các quyết định hành chính nêu trên, đồng thời buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường cho bà T theo đơn giá đất ở nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho bà T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho N3 bị kiện trình bày quan điểm:

Diện tích 31,4m² đất của bà Cao Thị Xuân T bị thu hồi gồm 1,3m², loại đất ở, thuộc thửa 549⁻¹, tờ bản đồ số 6, được công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 192/2009/GCN-UB ngày 24/02/2009 và 30,1m² thuộc lộ giới không được công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất nêu trên. Đất có nguồn gốc do cụ K và cụ N2 tặng cho bà T.

Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 810/2002 ngày 16/9/2002 cấp cho cụ K và cụ N2 thể hiện diện tích đất ở 275,4m² là lớn hơn hạn mức đất ở/hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố H; phần diện tích đất còn lại, trong đó diện tích 30,1m² đất của bà T thuộc lộ giới không được công nhận quyền sử dụng đất và được xác định là đất nông nghiệp. Vì vậy, không có căn cứ xác định toàn bộ diện tích đất thu hồi là đất ở như người khởi kiện trình bày. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Cao Thị Xuân T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ K và cụ N2 được công nhận quyền sử dụng diện tích 275,4m² đất ở (lớn hơn hạn mức đất ở theo quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn Quận B); đối với diện tích đất 30,1m² nằm trong phạm vi lộ giới, không được công nhận. Năm 2009, cụ K và cụ N2 chia tách một phần nhà đất trên cho bà T. Bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 192/2009/GCN-UB ngày 24/02/2009 với diện tích 57,1m² loại đất ở; phần diện tích đất 30,1m² vẫn là phần đất thuộc lộ giới, không được công nhận, là phần đất vượt hạn mức công nhận, nên được xác định theo đơn giá đất nông nghiệp. Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 9738/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 bồi thường cho bà T phần diện tích 30,1m² theo đơn giá đất nông nghiệp là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Cao Thị Xuân T do bà Võ Trúc P và ông Võ Hoàng Ý đại diện nộp trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của bà Cao Thị Xuân T do bà Võ Trúc P và ông Võ Hoàng Ý đại diện như sau:

[4.1] Thực hiện dự án Xây dựng nâng cấp, mở rộng đường N, đoạn từ cầu G Ông T1 đến cầu M, ngày 14/11/2022 Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 9295/QĐ-UBND thu hồi diện tích 31,4m² đất thuộc thửa 549⁻¹, tờ bản đồ số 6 của hộ bà Cao Thị Xuân T. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 9738/QĐ-UBND phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ

trợ, tái định cư đối với bà T, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 391.107.654 đồng; trong đó có 30,1m² bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp là 8.446.000 đồng/m²; 1,3m² bồi thường theo đơn giá đất ở 81.095.000 đồng/m². Bà T không đồng ý với việc bồi thường diện tích 30,1m² bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp vì cho rằng diện tích đất trên đã được gia đình bà sử dụng làm nhà ở ổn định nên phải được bồi thường theo giá đất ở.

[4.2] Theo hồ sơ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T thể hiện, diện tích 31,4m² đất bị thu hồi gồm: 1,3m², loại đất ở, thuộc thửa 549⁻¹, tờ bản đồ số 6 đã được công nhận theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 192/2009/GCN-UB ngày 24/02/2009; phần diện tích 30,1m² đất còn lại thuộc quy hoạch lộ giới, không được công nhận quyền sử dụng đất. Đất bị thu hồi có nguồn gốc do cụ Nguyễn Thị T2 tặng cho cụ Cao Q Khoáng theo Giấy phép mua bán, chuyển dịch nhà cửa số 647/GP-UB được Ủy ban nhân dân huyện T xác nhận ngày 04/7/1986. Cụ K và cụ N2 sử dụng làm nhà ở. Năm 1999, cụ K kê khai đăng ký nhà đất với tổng diện tích đất khuôn viên là 505,0m².

[4.3] Ngày 16/9/2002, cụ K và cụ N2 được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 810/2002 với tổng diện tích đất được công nhận là 275,4m². Với diện tích này, cụ K và cụ N2 thuộc trường hợp được cấp quyền sử dụng đất lớn hơn hạn mức đất ở/hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Trong khi đó, phần diện tích đất còn lại bao gồm diện tích 30,1m² đất của bà T thuộc phạm vi lộ giới, không được công nhận quyền sử dụng đất.

[4.4] Theo quy định tại khoản 7 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H thì: “Nếu theo quy định hiện hành mà diện tích đất đó được công nhận vào mục đích sử dụng nào thì sẽ được xét bồi thường, hỗ trợ theo mục đích sử dụng tương ứng. Nếu đất có nguồn gốc do Nhà nước trực tiếp quản lý thì không tính bồi thường mà được hỗ trợ theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này”. Như vậy, cùng với quy định tại điểm a, d khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Chính sách số 481/CSBT-HĐBT ngày 14/11/2022 do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án lập, được Ủy ban nhân dân thành phố T phê duyệt tại Quyết định số 9852/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 thì phần diện tích 30,1m² đất của bà T chỉ được bồi thường theo giá đất nông nghiệp là đúng. Việc bà T yêu cầu được bồi thường diện tích 30,1m² đất nêu trên theo giá đất ở là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà T là đúng pháp luật.

[4.6] Từ việc xác định Quyết định số 9738/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà Cao Thị Xuân T được ban hành đúng quy định pháp luật nên các Quyết định giải quyết khiếu nại số 4938/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Quyết định giải quyết khiếu nại số 751/QĐ-UBND

ngày 13/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H và Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 12322/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T cũng được xác định đều là hợp pháp. Do đó, kháng cáo của bà Cao Thị Xuân T là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh và quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho N3 bị kiện phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Cao Thị Xuân T phải chịu.

[7] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 600/2025/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Cao Thị Xuân T do bà Võ Trúc P và ông Võ Hoàng Ý đại diện; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 600/2025/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng: Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Xuân T đề nghị Tòa án:

1.1. Hủy Quyết định số 9738/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà Cao Thị Xuân T trong dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ dự án xây dựng nâng cấp, mở rộng đường N (đoạn từ cầu G Ông T1 đến cầu M), phường B, phường C, phường T, thành phố T;

1.2. Hủy Quyết định số 4938/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị Xuân T;

1.3. Hủy Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị Xuân T;

1.4. Hủy Quyết định số 12322/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất;

1.5. Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường diện tích 30,1m² đất nêu trên theo giá đất ở.

2. Về án phí:

2.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Cao Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đã tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0070536 ngày 09/5/2025 của Cục Thi hành án Dân sự (nay là Thi hành án Dân sự) Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Cao Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đã tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0022761 ngày 03/10/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 600/2025/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT & KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA - NTCL

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Mạnh Cường